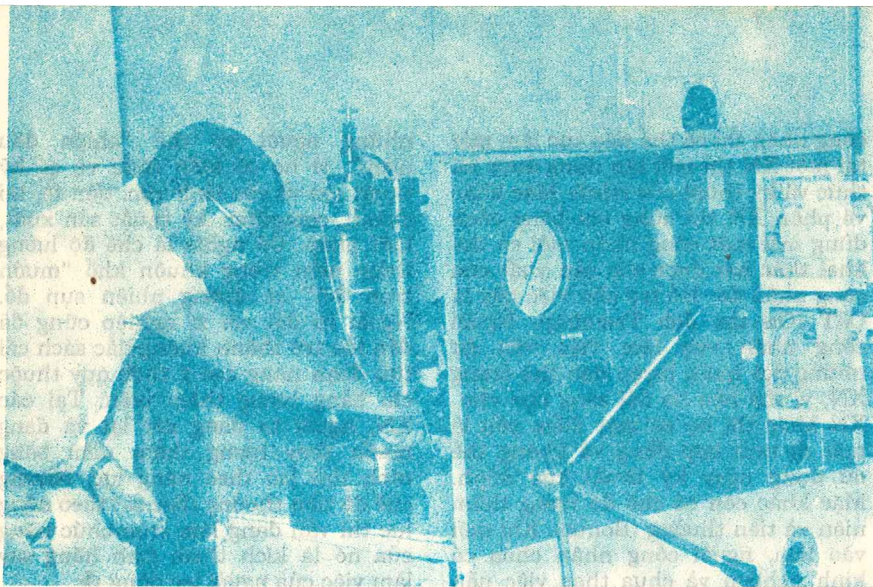




I. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG CƠ CHẾ

Một cơ chế kế hoạch hóa đúng đắn phải phù hợp với các điều kiện và thực trạng của nền kinh tế trong từng giai đoạn. Kế hoạch hóa là một khâu và là khâu quan trọng của cơ chế quản lý kinh tế, hơn bất cứ một khâu nào khác trong hệ thống quản lý, nó gắn bó và có trường hợp quyện chặt với cơ chế quản lý. Cùng với cơ chế quản lý, cơ chế kế hoạch hóa phải bảo đảm sự vận hành của nền kinh tế phù hợp với yêu cầu của quy luật kinh tế, nhất là những quy luật kinh tế đặc trưng của nền kinh tế trong từng giai đoạn phát triển. Có thể mô tả những điều đã nói dưới dạng một sơ đồ khái quát dưới đây:

Đề tài cấp Bộ "Đổi mới cơ chế kế hoạch hóa trong phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay" đã được nghiệm thu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 12.92 tại trường ĐHKHT TP.HCM. Thực hiện đề tài là do một tập thể tác giả bao gồm: PGS. PTS Du Lô Giang chủ nhiệm đề tài; các giảng viên Trần Thừa và Võ Xuân Tâm cùng tham gia nghiên cứu. PTKT mời PGS. PTS DU LÔ GIANG giới thiệu đến độc giả những nội dung chủ yếu trong phần II của đề tài nói trên.

NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN

của nền kinh tế chậm phát triển những mặt yếu kém. Hiệu quả của kinh tế nói chung còn kém, năng suất lao động xã hội và thu nhập quốc đầu người rất thấp, tỷ lệ tích lũy tư còn nhỏ, chất lượng của nhiều phẩm chế biến kém sức cạnh tranh trường tiêu thụ còn hẹp, ngân sách thâm hụt lớn, lưu thông tiền tệ không thông suốt, thị trường vốn chậm phát triển.

Trong khi đó, sự phát triển lực lượng sản xuất và quá trình quá độ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có một thị trường thống nhất. Do đó, nước ta phải lựa chọn và đề ra một cơ chế quản lý khiến cho gu máy kinh tế khai thác tốt những tiềm năng của đất nước và tận dụng thuận lợi của thế giới để cải thiện tình trạng kinh tế hiện nay, ngõ hầu có vị trí tốt hơn trên trường quốc tế và trường thế giới.

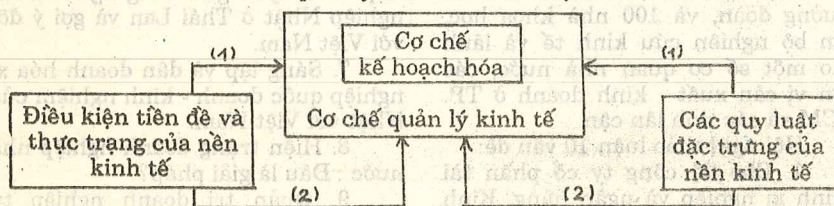
Nhận thức đúng xu thế đó, Đảng ta đang nỗ lực thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện mà trong đó, trước tiên là về cơ chế quản lý kinh tế.

2. Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

Trước đây, việc hình thành các chức năng kinh tế quốc doanh và tập thể là sự áp đặt chủ quan chứ không xuất phát từ yêu cầu khách quan của lực lượng sản xuất, ta cũng chưa thấy những hoạt động tiềm ẩn những thành phần kinh tế khác,

NHỮNG LUẬN CỬ KHOA HỌC VÀ MÔ HÌNH CƠ CHẾ KẾ HOẠCH HÓA TRONG NỀN KINH TẾ VẬN ĐỘNG THEO CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Sơ đồ biểu hiện các nhân tố tác động đến cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa



Ghi chú:

- Trong sơ đồ trên, các mũi tên (1) chỉ sự tác động có tính chi phối.
- Các mũi tên (2) chỉ sự tác động qua lại.

1. Điều kiện tiền đề và thực trạng của nền kinh tế

Từ sau Đại hội VI, do kết quả thực hiện đường lối đổi mới đúng đắn của

Đảng, nền kinh tế đã đạt được những thành tựu trên nhiều lãnh vực, và đang trên đà chuyển biến tốt. Nhưng xét về thực trạng vẫn ở trong giới hạn

có sự ngộ nhận nền kinh tế đơn thành phần là quốc doanh và tập thể. Từ sử dụng một cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, trực tiếp mệnh lệnh là chủ yếu.

Đến Đại hội lần VI, Đảng ta đặt nền móng cho một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta. Đại hội VII hoàn thiện một bước và phân biệt vừa xác định mối quan hệ giữa các hình thức sở hữu với thành phần kinh tế và những hình thức tổ chức kinh doanh.

Trong nền kinh tế chỉ có 3 hình thức sở hữu cơ bản (toàn dân, tập thể và tư nhân).

Từ ba hình thức sở hữu đó sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế những hình thức tổ chức kinh doanh

t đa dạng.

Về thành phần kinh tế có: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế gia đình. Kinh tế quốc doanh gồm các đơn vị 100% vốn của nhà nước, hoặc dưới hình thức doanh nghiệp, trong đó vốn của nhà nước chiếm tỷ lệ khống chế. Kinh tế quốc doanh phải giữ vai trò chủ đạo, kiểm giữ những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp then chốt và đảm đương những hoạt động mà các thành phần khác không thể điều kiện hoặc không muốn đầu tư vào doanh nghiệp. Kinh tế tư bản tư nhân được phép phát triển không hạn chế quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Nhà nước có thể liên kết với nhiều hình thức với tư bản trong và ngoài nước, hình thành doanh nghiệp tư bản nhà nước.

Có thể nói, kết luận của Đại hội VII làm sáng tỏ và hoàn chỉnh nhận thức về một nền kinh tế nhiều thành phần. Đó cũng là cơ sở, là căn cứ cho việc hình thành cơ chế quản lý và kế hoạch hóa trên cả hai góc độ: xây dựng cơ chế và vận dụng quy luật kinh tế.

Kinh tế thị trường là một xu thế tất yếu

Hiện nay đang tồn tại những quan niệm khác nhau về kinh tế thị trường, chúng ta có thể chọn định nghĩa sau đây:

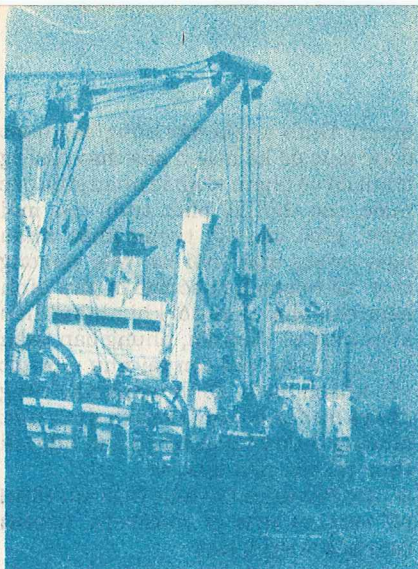
Kinh tế thị trường là một nền kinh tế chứa đựng tổng thể những điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội, là sức ép của nền sản xuất hàng hóa, là môi trường để hướng sản xuất vào trao đổi mua bán.

Nói đến thị trường là nói đến quy luật vận động của thị trường, bao gồm những quy luật như: quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, các quy luật lưu thông tiền tệ, quy luật về quan hệ cung cầu.

Thừa nhận kinh tế thị trường cũng có nghĩa là thừa nhận sự tồn tại hoạt động của quy luật đó. Tổ chức sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường phải tuân theo yêu cầu của các quy luật đó.

Nền kinh tế thị trường tuân theo những ưu điểm của nó, nhưng đồng thời cũng có những khuyết tật, những mặt trái của nó. Sử dụng cơ chế thị trường là một tất yếu khách quan trong điều kiện trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta. Nó sẽ tạo ra những động lực cho sự phát triển. Nhưng quản lý nền kinh tế thị trường phải biết khai thác những động lực đó, hạn chế những khuyết tật, những mặt trái của nó.

Muốn làm được điều đó phải xác định một cơ chế quản lý và kế hoạch hóa phù hợp với tâm vị mô, lẫn ở tâm vị mô.



II. MÔ HÌNH VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ ĐANG ĐƯỢC XÁC LẬP Ở NƯỚC TA

1. Hiện trạng về cơ chế quản lý kinh tế trước Đại hội VI

Cho tới trước Đại hội VI (tháng 12.1986), cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về cơ bản chưa bị xóa bỏ, cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chấp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung, quan liêu còn nặng đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

2. Những phức tạp đầu tiên của cơ chế quản lý kinh tế mới

Để thích ứng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, Đại hội VI chủ trương từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chú trọng tập trung giải quyết những nhiệm vụ then chốt trong từng thời gian thông qua một loạt chính sách vĩ mô và vi mô. Đại hội VII đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương đổi mới do Đại hội VI đề ra, có những điều chỉnh và bổ sung gồm những điểm sau:

+ Về mối quan hệ giữa tính kế hoạch và việc vận dụng quan hệ hàng hóa-tiền tệ (nói gọn lại: quan hệ giữa kế hoạch và thị trường). Đại hội VII đã nói rõ: "Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác". Ở đây thị trường được coi trọng nhiều hơn, nó đã trở thành một cơ chế của nhà nước dùng để vận hành nền kinh tế. Kế hoạch, pháp luật và chính sách...trở thành những công cụ để nhà nước vận hành cơ chế đó. Vị trí của kế hoạch và thị trường trong mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường có ảnh hưởng quan trọng đến tư tưởng chỉ đạo sự thiết kế một mô hình kế hoạch hóa và những vấn đề thuộc về công nghệ kế hoạch

hóa.

+ Trên cơ sở xác định vị trí và vai trò của thị trường, Đại hội VII đã chủ trương từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường như: thị trường hàng tiêu dùng, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động, xây dựng thị trường chứng khoán khi có điều kiện. Điều này thể hiện rõ quyết tâm và thái độ dứt khoát của Đảng chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đây cũng là một định hướng rất quan trọng cho sự thiết kế mô hình kế hoạch hóa.

+ Về vai trò của các cấp quản lý, Đại hội VII tập trung nhấn mạnh đến cơ sở, đề cao vai trò chủ động của cơ sở. Nhà nước quản lý bằng định hướng, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.

+ Về các quy luật kinh tế đặc trưng, khi đã nhấn mạnh đến vai trò của thị trường và sự cần thiết phải hình thành một cách đồng bộ thị trường đối với tất cả các loại sản phẩm, dịch vụ, các yếu tố đầu vào, thì điều đó cũng có nghĩa là nhấn mạnh vai trò của các quy luật kinh tế thị trường, trước hết là quy luật giá trị. Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, một trong những công cụ đó là kế hoạch hóa, do đó quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối phải tồn tại, kế hoạch phải xác định những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân và có chính sách, biện pháp bảo đảm các cân đối đó" (Văn kiện Đại hội VII, tr.71).

Như vậy, cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã hàm chứa việc sử dụng các quy luật kinh tế đặc trưng như quy luật kinh tế cơ bản, quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối, quy luật giá trị phải được phản ánh trong cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa với tư cách là những cơ sở khoa học.

Việc xác lập mô hình về cơ chế quản lý kinh tế là cơ sở quan trọng để thiết kế mô hình về cơ chế kế hoạch hóa, bởi lẽ kế hoạch hóa là một bộ phận cấu thành của hệ thống quản lý và là khâu trung tâm của hệ thống đó. Vì vậy để có thêm dữ kiện cho sự hình thành cơ chế kế hoạch hóa đúng đắn cần phải thay đổi quan niệm về kế hoạch hóa.

III. ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ QUAN NIỆM KẾ HOẠCH HÓA

Trước hết cần nhắc lại một luận điểm quan trọng của Lê-nin: "Sự cân đối thường xuyên được duy trì một cách có ý thức-bản thân nó đã nói lên tính kế hoạch" (Lê-nin toàn tập, tập 3, trang 780). Như vậy cân đối là một thuộc tính của kế hoạch. Kế hoạch hóa và sự cân đối (phát triển theo tỉ lệ) có

mối quan hệ gắn bó với nhau.

Bản thân nền kinh tế cần phải có sự phát triển cân đối giữa các bộ phận của nó khi đã xuất hiện sự phân công lao động. Kế hoạch hóa là một đòi hỏi khách quan của bất cứ nền kinh tế nào có xuất hiện sự phân công lao động xã hội, dù cho nền kinh tế đó có chế độ chính trị như thế nào. Chỉ có một trường hợp duy nhất xóa bỏ tính tất yếu khách quan của kế hoạch hóa, đó là trong trường hợp nền kinh tế chưa hề xuất hiện sự phân công lao động dù dưới dạng sơ khai nhất. Sự phân công lao động xuất hiện đòi hỏi sự xuất hiện đồng thời của kế hoạch hóa. Sự phân công lao động càng mở rộng thì sự đòi hỏi của kế hoạch càng cao, càng bức xúc.

Kế hoạch hóa xét về bản chất không phải là sản phẩm của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mà là sản phẩm của sự phân công lao động xã hội. Mặc nhiên, trình độ và phạm vi của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất không hề biệt lập đối với kế hoạch hóa, nó có quan hệ mật thiết với kế hoạch hóa nếu xét về mặt phương thức, về cơ chế. Chính điều kiện tiền đề về chế độ công hữu về tư liệu sản xuất do Engels đề ra và thực trạng của nền kinh tế là những căn cứ quan trọng đối với việc xây dựng một cơ chế kế hoạch hóa theo một dạng nào đó. Có thể ở mức độ cao, phạm vi rộng, có thể ở mức độ thấp, phạm vi hẹp, có thể tiến hành trực tiếp, có thể gián tiếp, có thể lượng hóa với mức độ tin cậy cao, có thể chỉ là định hướng...

Nói đến kế hoạch hóa bao giờ cũng gắn với mục tiêu phải vươn tới trong tương lai có giới hạn. Mục tiêu có thể là định hướng, có thể là định lượng, hoặc vừa định hướng vừa định lượng, tùy thuộc vào điều kiện cho phép và tính chất của vấn đề.

Một khía cạnh khác nữa là, nền kinh tế tự nó không thể phát triển có kế hoạch được. Kế hoạch hóa trên thực tế đòi hỏi phải có bộ máy tổ chức và con người có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý. Xét trên tầm vĩ mô, đó chính là bộ máy quản lý của nhà nước.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra một khái niệm về kế hoạch hóa như sau:

Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân là công cụ quản lý kinh tế, xã hội của nhà nước ở tầm vĩ mô được thể hiện bằng hai đặc trưng cơ bản là định hướng, có lượng hóa ở mức độ cho phép và giữ được trạng thái cân đối giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế trong từng thời kỳ.

Định nghĩa này mặc nhiên từ bỏ sự phủ định khả năng kế hoạch hóa trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản (tức là phủ định một thực tế khách

quan). Định nghĩa này cũng bao quát được mức độ kế hoạch hóa theo những trình độ và phạm vi khác nhau giữa các nước, các thời kỳ phát triển của mỗi nước, giữa các đối tượng khác nhau ngay trong một thời kỳ. Mỗi phương thức kế hoạch hóa có thể bị phủ định hoặc cần phải thay đổi khi những điều kiện thực tế thay đổi, nhưng bản thân kế hoạch hóa vẫn tồn tại như một tất yếu khách quan. Định nghĩa này cũng đặt ra sự đòi hỏi phải hoạch định một phương thức kế hoạch hóa phù hợp với thực tại của nền kinh tế.

IV. NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH KẾ HOẠCH HÓA Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Từ những luận cứ khoa học, chúng ta có thể hình dung một mô hình kế hoạch hóa theo hướng đối mới bao gồm những nội dung sau đây:

1. Phù hợp với mô hình quản lý kinh tế ở nước ta là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, kế hoạch hóa được tiến hành thông qua các kế hoạch định hướng. Toàn bộ cơ chế kế hoạch hóa phải đặt trên mặt bằng của kế hoạch hóa định hướng. Kế hoạch hóa định hướng là xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, các cân đối tổng thể, các biện pháp kinh tế kỹ thuật trên phạm vi nền kinh tế để hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị kinh tế phát triển theo phương hướng, mục tiêu và cơ cấu của chiến lược và kế hoạch kinh tế-xã hội đã được xác định.

2. Áp dụng rộng rãi phương pháp kế hoạch hóa gián tiếp. Trong phương pháp này nhà nước không giao nhiệm vụ trực tiếp, mang tính chỉ thị, mà thông qua việc sử dụng công cụ luật pháp, đơn đặt hàng, hoặc một số chỉ tiêu pháp lệnh khi cần thiết; vận dụng chính sách điều tiết thị trường, hình thành quỹ dự trữ nhà nước và dự trữ kinh doanh ở mức hợp lý; thực hiện chính sách thuế, trợ giá, lãi suất tín dụng và các đòn bẩy khác; tăng cường thông tin hướng dẫn và định hướng kế hoạch thị trường, giá cả, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý. Tổ chức và sử dụng thông tin phản hồi để kịp thời điều hành, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chính sách và luật pháp, phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành then chốt, ở một số địa bàn quan trọng, đủ sức làm nòng cốt để thực hiện các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch và chi phối thị trường.

Trong tất cả các công cụ này, quan trọng nhất là luật pháp và chính sách. Chính sách nói rõ ở đây là chính sách kinh tế chứ không phải chính sách hành chính mệnh lệnh. Hệ thống các chính sách không chỉ đóng vai trò hướng dẫn đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh mà còn bao gồm cả những chính sách kích thích đơn vị

kinh tế ngoài quốc doanh hoạt động hiệu quả (đây chính là sự lồng vào giữa kế hoạch và thị trường).

3. Duy trì một bộ phận pháp đối với một bộ phận kinh tế quốc doanh trong cơ chế kế hoạch hóa. Lý do tại của bộ phận kế hoạch này là:

- Về mặt pháp lý, tài sản của kinh tế quốc doanh toàn bộ hoặc phần thuộc sở hữu toàn dân, do đó người sở hữu của nó có quyền quyết định những vấn đề về nhiệm vụ sản xuất, phương hướng đầu tư, phân phối, đầu lợi nhuận của xí nghiệp.

- Bảo đảm thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh vực.

- Kinh tế quốc doanh là một bộ phận cấu thành quan trọng thực hiện kế hoạch của nhà nước.

- Tạo điều kiện cho kinh tế quốc doanh sớm phát huy vai trò chủ đạo thúc đẩy tốc độ vận động chuyển dịch các thành phần kinh tế khác về mặt chế độ sở hữu xã hội nghĩa là về mặt chế độ.

Bộ phận kế hoạch pháp lệnh nên chỉ giới hạn trong chừng nào không làm thay đổi mặt bằng kế hoạch hóa định lượng trên phạm vi nền kinh tế.

4. Trong cơ chế kế hoạch hóa lấy kế hoạch hóa định hướng làm mặt bằng, sử dụng phương pháp gián tiếp là chủ yếu thì quỹ dự trữ quốc gia là chủ yếu thì quỹ dự trữ quốc gia là chủ yếu thì quỹ dự trữ quốc gia là một công cụ quan trọng để giải quyết kịp thời những cân đối nảy sinh, điều tiết thị trường thông qua sự tác động đến cung cầu.

5. Thực hiện chế độ kế hoạch hóa hai cấp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, và tương ứng với hai cấp có hai loại kế hoạch: kế hoạch kinh tế-xã hội của nhà nước và kế hoạch kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

a. Kế hoạch kinh tế xã hội của nhà nước: cần chú trọng đúng mức, cần nắm các vấn đề xã hội. Quan điểm lý luận về xã hội là phải căn cứ vào năng lực của nền kinh tế mà chủ động bố trí các điều kiện cho kế hoạch nhà nước tương xứng ngay từ đầu, không thể coi đó là phần sau của các cân đối khác.

b. Kế hoạch kinh doanh: là kế hoạch hành động do các doanh nghiệp xây dựng dựa trên các định hướng kế hoạch nhà nước và quan hệ thị trường, kế hoạch phải được xây dựng trên cơ sở thị trường cần cái gì và đặt sự quan tâm chủ yếu về mặt định lượng và hiệu quả như chủng loại hàng, chất lượng sản phẩm, giá cả, mức độ có thể tiêu thụ được, xí nghiệp có đủ việc làm, bảo đảm thu nhập có lãi.